

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NÔ
TỈNH ĐẮK NÔNG**

Bản án số: 12/2017/HNGĐ-ST

Ngày 28-12-2017

“V/v Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tím.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Minh và ông Hồ Quang Hiễn.

Thư ký phiên tòa: Ông Trương Đình Hội – Thẩm tra viên TAND huyện Krông Nô.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa: Ông Tống Mạnh Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2017, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Krông Nô tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 87/2017/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 11 năm 2017, về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2017/QĐXXST-DS, ngày 12 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1976. (có mặt)

Bị đơn: Chị Vũ Thị T, sinh năm 1976 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố 6, thị trấn Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 31/7/2017 và quá trình tố tụng tại Tòa án anh Phạm Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn T và chị Vũ Thị T chung sống với nhau từ năm 1994, việc chung sống là tự nguyện, tuy nhiên không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh T và chị T chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, không quan tâm, chăm sóc nhau, xét mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm không còn nên anh T yêu cầu Tòa án không công nhận anh Phạm Văn T và chị Vũ Thị T là vợ chồng.

Về con chung: Anh Phạm Văn T và chị Vũ Thị T có 02 con chung là Phạm Thị Cẩm T, sinh ngày 29/8/1995 và Phạm Quốc T, sinh ngày 25/10/1997. Hiện các con chung đều đã trưởng thành, vì vậy anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn anh Phạm Văn T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

* *Trong quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn chị Vũ Thị T trình bày:* Chị Vũ Thị T thừa nhận, chị và anh Phạm Văn T tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 1994 nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi về chung sống chị và anh T hạnh phúc đến năm 2015 thì nảy sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống,

không quan tâm, chăm sóc nhau, xét mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm không còn nên chị chấp nhận chị và anh T không phải là vợ chồng.

Về con chung: Chị Vũ Thị T thừa nhận, chị và anh T có 02 con chung là Phạm Thị Cẩm T, sinh ngày 29/8/1995 và Phạm Quốc T, sinh ngày 25/10/1997. Hiện các con chung đều đã trưởng thành, vì vậy, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX và Người tham gia tố tụng:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và HĐXX: Đã chấp hành đầy đủ theo quy định của pháp luật từ quá trình thụ lý, lập hồ sơ vụ án Thẩm phán đã tiến hành đúng theo quy định của pháp luật. Xác định đúng quan hệ tranh chấp giữa các bên; Tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ đến các đương sự. Thẩm phán đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đúng theo quy định. Tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng mọi thủ tục, trình tự xét xử theo đúng quy định. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đúng theo quy định, không có trường hợp nào phải thay đổi người tiến hành tố tụng, Hội đồng xét xử đã hỏi và thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Các đương sự đã chấp hành đầy đủ các quy định, quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích các tình tiết của vụ án Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình về tranh chấp “Nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn”. Bị đơn chị Vũ Thị T có nơi cư trú tại tổ dân phố 6, thị trấn M, huyện K. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô theo quy định tại điểm c mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10, ngày 09 tháng 6 năm 2000 về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

2.1. Về hôn nhân: Anh Phạm Văn T và chị Vũ Thị T chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn mặc dù có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình, do đó không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng theo quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình.

Anh Phạm Văn T và chị Vũ Thị T chung sống như vợ chồng từ năm 1994 không đăng ký kết hôn, theo điểm c Mục 3 Nghị Quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000; Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của anh Phạm Văn T về việc không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh

Phạm Văn T và chị Vũ Thị T là vợ chồng như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp.

2.2. Về con chung: Anh Phạm Văn T và chị Vũ Thị T thừa nhận có 02 con chung là là Phạm Thị Cẩm T, sinh ngày 29/8/1995 và Phạm Quốc T, sinh ngày 25/10/1997, hiện nay các con chung đã trưởng thành, vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Phạm Văn T và chị Vũ Thị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2.4. Về án phí : Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án anh Phạm Văn T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm c mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10, ngày 09 tháng 6 năm 2000 về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Áp dụng Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Phạm Văn T và chị Vũ Thị T.

- Về án phí: Buộc anh Phạm Văn T phải nộp số tiền 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0000084, ngày 22 tháng 11 năm 2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Nô.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án lên Tòa án cấp trên yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhân :

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Krông Nô (02 bản);
- Chi cục THADS H. Krông Nô;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

LÊ THỊ TÍM

